*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 3 - CHỦ ĐỀ 3: LỜI SÔNG NÚI**

**Tiết 31, 32, 33, 34, 35**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của văn bản nghị luận trung đại. (thể loại, đề tài, nội dung, nghệ thuật, ngôn ngữ;....);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản nghị luận trung đại trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại văn bản nghị luận trung đại.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** Củng cố tri thức nền về văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu; mục đích, quan điểm của người viết); cách đọc hiểu văn bản nghị luận trung đại.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV phát vấn câu hỏi, yc hs trả lời:**  **+** Chủ đề của bài học và thể loại chính của các văn bản đọc hiểu?  + Kể tên các văn bản được học trong chủ đề?  + Dựa vào các tri thức đã học, em hãy cho biết để một văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ chúng ta cần quan tâm vào yếu tố nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | 1. **Tri thức nền cần ghi nhớ:**   1- Chủ đề bài học: *Lời sông núi*  2- Thể loại chính của các văn bản**:** Nghị luận.  3- Các văn bản được học trong chủ đề 3  **VB1: HỊCH TƯỚNG SĨ ( TL: VB hịch)**  **VB2: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**  **( TL: VB nghị luận)**  **VB : NAM QUỐC SƠN HÀ ( TL: VB Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật)**   * Tuy 3 VB này được thể hiện ở 3 hình thức khác nhau nhưng có cùng chung một vấn đề được đề cập đến đó chính là tình yêu đối với quê hương đất nước, ý chí chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc. ( Chủ đề chung) * Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận. * **Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bàycó thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận * Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. * Để một văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ người viết cần xác định đúng luận đề ( vấn đề cần bàn luận, từ đó triển khai các luận điểm, mỗi luận điểm lại cần được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục. |

**CÁC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI ĐƯỢC HỌC TRONG SGK KNTT 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **HỊCH TƯỚNG SĨ** |
| **VĂN BẢN 2** | **NAM QUỐC SƠN HÀ** |

**CÁC VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI NGOÀI SGK BỘ KẾT NỐI**

**( LỰA CHỌN BỔ SUNG)**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **ĐẤT NƯỚC ( TRÍCH MẶT ĐƯỜNG KHÁT VỌNG – NGUYỄN ĐÌNH THI)** |
| **VĂN BẢN 2** | **BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO ( NGUYỄN TRÃI)** |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: HỊCH TƯỚNG SĨ ( TRẦN QUỐC TUẤN)**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI VĂN BẢN HỊCH TƯỚNG SĨ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1:** Củng cố tri thức ngữ văn về thể loại hịch – một kiểu văn bản nghị luận trung đại ( mục đích: dùng để cổ động hoặc thuyết phục quân sĩ chống thù trong giặc ngoài do chủ tướng viết; thể văn: biền ngẫu).  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Lệnh:** ĐỌC VĂN BẢN HỊCH TƯỚNG SĨ  GV phát phiếu học tập số 1  **PHIẾU BÀI TẬP 1**  **1. Người ta thường viết hịch khi nào ?**  A. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.  B. Khi đất nước thanh bình.  C. Khi đất nước phồn vinh.  D. Khi đất nước vừa kết thúc chiến tranh.  **2. Ý nào nói đúng nhất về chức năng của thể hịch?**  A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.  B. Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.  C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.  D. Dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.  **3. Kết cấu chung của thể hịch thường gồm mấy phần?**  A. Hai phần   C. Bốn phần  B. Ba phần     D. Năm phần  **4. Trần Quốc Tuấn viết “Hịch tướng sĩ” khi nào?**  A. Trước khi quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257).  B. Trước khi quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285).  C. Trước khi quân Mông – Xâm lược nước ta lần thứ ba (1287).  D. Sau chiến thắng quân Mông – Nguyên lần thứ hai.  **5. “Hịch tướng sĩ” được viết theo thể văn gì?**  A. Văn xuôi         C. Văn biền ngẫu  C. Văn vần     D. Cả A, B,C  **6. “Hịch tướng sĩ” là…. bất hủ phản ánh lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của dân tộc ta”. Cụm từ nào điền vào chỗ trống trong câu văn trên cho phù hợp?**  A. áng thiên cổ hùng văn  C. lời hịch vang dậy núi sông  B. tiếng kèn xuất quân  D. bài văn chính luận xuất sắc  **Mục tiêu 2:** Khắc sâu tri thức ngữ văn về cách triển khai nội dung bài hịch qua cách lập luận.  **Tổ chức thực hiện:**  **NV1: HS cần nắm được cách triển khai nội dung bài hịch.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  GV treo sơ đồ câm, yêu cầu HS lên bảng điền để thấy được cách triển khai lập luận của bài hịch.  **- HS** tếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**  **NV2: HS cần nắm được cách triển khai luận điểm.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  **GV phát phiếu bài tập số 2**  **- HS** tếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.**  **PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  ***Đề bài: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:***   “ Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sĩ mắng triểu đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà đòi bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau! Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”   (***Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn***)  Câu 1: Khái quát nội dung chính đoạn trích.  Câu 2. Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Theo em, tác giả tố cáo tội ác của giặc để làm gì?  Câu 3: Chỉ ra, phân tích hiệu quả hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.* | **HỊCH TƯỚNG SĨ**   * Thể loại: hịch * Dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài. * **Kết cấu chung của thể hịch thường gồm 4 phần.** * **Trần Quốc Tuấn viết “Hịch tướng sĩ”** trước khi quân Mông – Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (1285). * **“Hịch tướng sĩ” là…. bất hủ phản ánh lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của dân tộc ta”.** * **“Hịch tướng sĩ” được viết theo thể văn biền ngẫu.**   **Cách triển khai nội dung bài hịch**  **KHÍCH LỆ Ý CHÍ LẬP CÔNG XẢ THÂN VÌ NƯỚC CỦA TƯỚNG SĨ**  **KHÍCH LỆ LÒNG TRUNG QUÂN ÁI QUỐC CỦA TƯỚNG SĨ**  **KHÍCH LỆ LÒNG TỰ TRỌNG VÀ DANH DỰ CÁ NHÂN CỦA MỖI NGƯỜI**  **KHÍCH LỆ LÒNG CĂM THÙ GIẶC VÀ NỖI NHỤC MẤT NƯỚC**  **GỢI Ý TRẢ LỜI PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2**  Câu 1: Khái quát nội dung chính đoạn trích.   Đoạn trích tố cáo tội ác và sự ngang ngược của quân giặc, qua đó bộc lộ lòng căm thù giặc sâu sắc và tinh thần sẵn sàng hi sinh của Trần Quốc Tuấn.  Câu 2. Sự ngang ngược và tội ác của giặc đã được lột tả như thế nào? Theo em, tác giả tố cáo tội ác của giặc để làm gì?  - Chi tiết tả tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù:  + Kẻ thù tham lam, tàn bạo: Ngang ngược đi lại nghênh ngang ngoài đường, đòi ngọc lụa, thu vàng bạc  + Hành động xúc phạm danh dự đất nước: "Lưỡi cú diều", "thân dê chó" - sứ Nguyên để "xỉ mắng triều đình", "bắt nạt tể phụ".  - Đoạn văn tố cáo tội ác giặc để khơi gợi được lòng căm thù giặc, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của tướng sĩ.  Câu 3: Chỉ ra, phân tích hiệu quả hai biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn: *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.*  - So sánh: Ruột đau như cắt  Phóng đại, khoa trương: Trăm thân, nghìn xác  - Liệt kê: Quên ăn, vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù.  - Ẩn dụ: Xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù ý chỉ hành động không dung tha cho quân giặc; trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa chỉ sự hi sinh  -Tác dụng:  +Nhấn mạnh, làm nổi bật hình ảnh chủ tướng với nỗi đau đớn, đắng cay, tủi nhục trước hành động tham tàn của sứ giặc cùng thái độ căm thù giặc sôi sục; qua đó thể hiện khí phách anh hùng, hiên ngang, lẫm liệt, tinh thần quyết chiến dù có hi sinh. |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc kĩ 2 đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:**

*(1)“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa. Chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”*

(Trích ***Hịch tướng sĩ***, Trần Quốc Tuấn, SGK, Ngữ văn 8)

(2)“**Ta đây:**

*Núi Lam Sơn dấy nghĩa*

*Chốn hoang dã nương mình*

*Ngẫm thù lớn há đội trời chung*

*Căm giặc nước thề không cùng sống*

*Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời*

*Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.*

*Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,*

*Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ.*

*Những trằn trọc trong cơn mộng mị,*

*Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi*

*Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,*

*Chính lúc quân thù đang mạnh.”*

(Đại cáo Bình Ngô – Nguyễn Trãi , Ngữ văn 10, Tập hai, tr.17-  NXB Giáo dục, 2006)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Nêu nội dung chính của văn bản (1) và (2)?

**Câu 2.**Hãy so sánh nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn ở Hịch tướng sĩ và tâm trạng của Lê Lợi ở Đại cáo bình Ngô ?

**Câu 3.**Từ 2 văn bản, viết một văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tinh thần trách nhiệm trong cuộc sống hiện nay.

**Trả lời câu hỏi đọc hiểu**

**Câu 1.**Ý chính của các văn bản trên :

      – Văn bản (1) : Tâm trạng của Trần Quốc Tuấn thể hiện trong Hịch tướng sĩ. ;

      – Văn bản (2) : hình tượng Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

**Câu 2.** Nỗi lòng của Trần Quốc Tuấn ở Hịch tướng sĩ và tâm trạng của Lê Lợi ở Đại cáo bình Ngô:

      – Họ đều có chung nỗi lòng của một người yêu nước anh hùng: cùng căm giận trào sôi ( Trần Quốc Tuấn “ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”. Lê Lợi “đau lòng nhức óc”); cùng nuôi chí lớn (Trần Quốc Tuấn “tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối”, Lê Lợi “nếm mật nằm gai, quên ăn vì giận”); cùng một quyết tâm sắt đá (Trần Quốc Tuấn “dẫu cho trăm thân phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác gói trong da ngựa … cũng cam lòng”, Lê Lợi “Những trằn trọc trong cơn mộng mị – Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi”).

      – Rõ ràng Lê Lợi là người anh hùng kiểu Trần Quốc Tuấn. Chính cảm hứng về truyền thống dân tộc đã giúp Nguyễn Trãi khắc họa thành công con người anh hùng Lê Lợi nói riêng và người anh hùng dân tộc nói chung.

**Câu 3.**

      Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

*- Hình thức:* đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

*- Nội dung:* Từ nỗi lòng và tâm trạng thể hiện qua 2 văn bản, thí sinh bày tỏ suy nghĩ của mình về tinh thần trách nhiệm:

      + Trách nhiệm là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả;

       + Sống có trách nhiệm là làm tròn nghĩa vụ, bổn phận với gia đình, nhà trường và xã hội.

      + Người sống có trách nhiệm được mọi người tôn trọng

      + Phê phán thói vô trách nhiệm

      + Bài học nhận thức và hành động

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc đoạn trích sau trả lời câu hỏi:**

*Từng nghe:  
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,  
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;  
Như* [*nước Đại Việt ta*](https://dembuon.vn/tags/nuoc-dai-viet-ta/) *từ trước,  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,  
Nước non bờ cõi đã chia,  
Phong tục Bắc Nam cũng khác;  
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;  
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,  
Song hào kiệt đời nào cũng có.*

*Vậy nên:  
Lưu Cung tham công nên thất bại;  
Triệu Tiết chí lớn phải tiêu vong;  
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô  
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã  
Việc xưa xem xét.  
Chứng cứ còn ghi.*(Theo ***Nước Đại Việt ta,*** trích trong [Bình Ngô đại cáo](https://dembuon.vn/tags/binh-ngo-dai-cao/) – Nguyễn Trãi)​

**Câu hỏi:**  
Câu1. Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của bài thơ chứa đoạn trích?  
Câu 2. Qua đoạn trích, từ các thông tin lịch sử ở đoạn 2, em hiểu văn bản được viết trong hoàn cảnh lịch sử nào?  
Câu 3. Khái quát nội dung chính của đoạn trích.  
Câu 4. Qua hai câu "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả là gì?  
Câu 5. Người dân mà tác giả nói tới là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?  
Câu 6. Em hiểu nghĩa của từ "văn hiến" là gì?  
*Câu 7:* Để khẳng định chủ quyền độc lập [dân tộc](https://dembuon.vn/tags/dan-toc/), tác giả đã dựa vào những yếu tố nào? Thể hiện qua các chi tiết nào?  
Câu 8. Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi trong đoạn này thể hiện ở hình thức nghị luận như thế nào?  
Câu 9. Chỉ ra bp tu từ trong 4 dòng thơ:  
*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;  
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,  
Song hào kiệt thời nào cũng có.*  
Câu 10. Việc sắp xếp trật tự từ trong bộ phận gạch chân có tác dụng gì?  
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần ; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên ; mỗi bên hùng cứ một phương;

**ĐỀ SỐ 3  
  
Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu sau:**  
  
*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*  
*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.*  
*Như nước Đại Việt ta từ trước,*  
*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*

*Núi sông bờ cõi đã chia,*  
*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*  
*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,*  
*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*  
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*  
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Theo Nước Đại Việt ta, trích trong [Bình Ngô đại cáo](https://dembuon.vn/tags/binh-ngo-dai-cao/) – Nguyễn Trãi)​

**Câu hỏi:**  
**Câu 1.** Khái quát nội dung chính của đoạn trích.  
**Câu 2.** Việc sử dụng những từ ngữ: *Từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, bao đời nhằm khẳng định điều gì?***Câu 3.** Giải thích nhan đề: ***Bình Ngô đại cáo.***  
**Câu 4.** Từ văn bản ***Nước Đại Việt ta***, em có thái độ, tình cảm gì về nền độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước trong thời đại ngày nay.  
**Câu 5.** Từ đoạn trích, viết đoạn văn diễn dịch làm sáng tỏ chân lí về sự tồn tại chủ quyền độc lập của dân tộc ta trong văn bản Nước Đại Việt ta.  
  
 **Trả lời:**  
  
**Câu 1.** Khái quát nội dung chính của đoạn trích  
Từ việc nêu chân lý về tư tưởng nhân nghĩa và những yếu tố chứng tỏ Đại Việt là quốc gia độc lập, đoạn trích có giá trị như bản Tuyên ngôn độc lập.  
**Câu 2.** Việc sử dụng những từ ngữ: Từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, bao đời nhằm khẳng định điều gì?  
- Nhằm khẳng định được tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt.  
**Câu 3.** Giải thích nhan đề: ***Bình Ngô đại cáo***  
- Bình: Đánh dẹp, Ngô là nước Trung quốc thời Ngô – chỉ giặc minh. Đại cáo: Tuyên cáo, công bố rộng khắp.  
- > Bình Ngô đại cáo: Thông cáo với toàn dân về sự kiện đã đẹp yên giặc Minh - giặc phương Bắc (Trung Quốc).  
**Câu 4.** Từ văn bản ***Nước Đại Việt ta,*** em có thái độ, tình cảm gì về nền độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước trong thời đại ngày nay  
- Là niềm tự hào của mỗi công dân.  
- Là sứ mạng, là trách nhiệm của mỗi công dân, đặc biệt thế hệ trẻ.  
- HS cần k ngừng học tập để trở thành con người có ích cho xã hội.  
**Câu 5. Từ đoạn trích, viết đoạn văn diễn dịch làm sáng tỏ chân lí về sự tồn tại chủ quyền độc lập của dân tộc ta trong văn bản *Nước Đại Việt ta.*Định hướng:**  
- Giới thiệu vấn đề: Đoạn trích trên được coi như một bản ***Tuyên ngôn độc lập,*** thể hiện chân lí về sự tồn tại chủ quyền độc lập của dân tộc ***Đại Việt ta***.  
- Chứng minh: Nguyễn Trãi khẳng định độc lập, chủ quyền của dân tộc Đại Việt ta qua 5 phương diện, yếu tố cụ thể:  
+Đất nước ta có nền văn hiến lâu đời  
+Có cương vực lãnh thổ riêng  
+Có phong tục tập quán, lối sống riêng;  
+ Chế độ, triều đại riêng  
+Có truyền thống lịch sử, nhân tài hào kiệt riêng  
- Đánh giá về nghệ thuật: Đoạn trích có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập không chỉ bởi nội dung của bài cáo mà còn bởi sức thuyết phục của nghệ thuật lập luận chặt chẽ, mạch lạc, súc tích, giọng văn đanh thép, chứng cứ hùng hồn, lí lẽ sắc bén cùng phép so sánh, liệt kê, các từ ngữ mang tính chất hiển nhiên, sẵn có: Từ nghe, vốn xưng, đã lâu, đã chia.. để khẳng định sự tồn tại độc lập của quốc gia Đại Việt.  
- Khẳng định lại vấn đề: Đoạn trích và toàn bộ tác phẩm, xứng đáng là ***áng thiên cổ hùng văn,*** tràn đầy tinh thần tự hào dân tộc sâu sắc, là ***tuyên ngôn độc lập bất hủ***.

**ĐỀ SỐ 4**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu bên dưới  
*Đất là nơi Chim về*  
*Nước là nơi Rồng ở*  
*Lạc Long Quân và Âu Cơ*  
*Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*  
*Những ai đã khuất*  
*Những ai bây giờ*  
*Yêu nhau và sinh con đẻ cái*  
*Gánh vác phần người đi trước để lại*  
*Dặn dò con cháu chuyện mai sau*  
*Hàng năm ăn đâu làm đâu*  
*Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ  
Trong anh và em hôm nay*  
*Đều có một phần* [*Đất Nước*](https://dembuon.vn/tags/dat-nuoc/)  
*Khi hai đứa cầm tay*  
*Đất Nước trong chúng mình hài hòa nồng thắm*  
*Khi chúng ta cầm tay mọi người*  
*Đất nước vẹn tròn, to lớn*  
*Mai này con ta lớn lên*  
*Con sẽ mang đất nước đi xa*  
*Đến những tháng ngày mơ mộng*  
*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình*  
*Phải biết gắn bó san sẻ*  
*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  
*Làm nên Đất Nước muôn đời..*  
 (Đất Nước trích ***Mặt đường khát vọng*** - Nguyễn Khoa Điềm)  
  
**Câu hỏi:**  
**Câu 1.** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  
**Câu 2.** Khái quát nội dung chính của đoạn thơ.

**Câu 3.** Những câu thơ sau thể hiện điều gì?  
"Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ  
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời"  
**Câu 4.** Hãy lí giải vì sao nhà thơ viết đất nước là xương máu của mình?  
**Câu 5.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau  
*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình*  
*Phải biết gắn bó san sẻ*  
*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  
*Làm nên Đất Nước muôn đời..*  
**Câu 6.** Những bài học được rút ra qua đoạn trích là gì?  
**Câu 7.** Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về [lòng yêu nước](https://dembuon.vn/tags/long-yeu-nuoc/) của thế hệ trẻ ngày nay.  
 **Trả lời:**  
**Câu 1.** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích  
Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2.** Khái quát nội dung chính của đoạn thơ  
 Đoạn trích thể hiện những cảm nhận mới mẻ của tác giả về đất nước trên nhiều phương diện với nhiều vẻ đẹp: Lịch sử, địa lí, văn hóa.. cùng lời nhắn nhủ về trách nhiệm của mỗi người với đất nước.  
**Câu 3.** Những câu thơ sau thể hiện điều gì?  
"Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ  
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên Đất Nước muôn đời"  
- Thể hiện sự gắn bó máu thịt, sống còn của mỗi người với Đất nước với những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng: ***Đất Nước*** là máu xương của mình – là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng.  
- Thể hiện trách nhiệm của mỗi người với đất nước là phải biết san sẻ, hóa thân, sẵn sàng hành động, cống hiến, hi sinh*: Phải biết gắn bó và san sẻ*  
*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  
- Thể hiện nghĩa vụ của mỗi người: Xây dựng bảo vệ đất nước muôn đời  
⇒ lời thơ thể hiện tâm sự chân thành, sâu sắc của tác giả, từ đó tạo nên sức truyền cảm rất mạnh.  
**Câu 4.** Hãy lí giải vì sao nhà thơ viết đất nước là xương máu của mình.  
- Vì đất nước kết tinh, hóa thân trong mỗi người.  
- Đất nước mang lại cuộc sống, sự nghiệp, tương lai của mỗi người.  
- Nhà thơ viết như vậy để nhắc nhở lòng tự hào và ý thức trách nhiệm của mỗi người: Cần bảo vệ, giữ gìn đất nước như sinh mệnh, sự sống, xương máu của mình.  
**Câu 5.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:  
*Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình*  
*Phải biết gắn bó san sẻ*  
*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*  
*Làm nên Đất Nước muôn đời..*  
- **Biện pháp so sánh:**  
*Đất Nước là máu xương của mình*  
*-Liệt kê: Gắn bó san sẻ*, *hóa thân cho dáng hình xứ sở*, l*àm nên Đất Nước muôn đời..*  
*-Điệp ngữ; em, phải biết*  
***=>Tác dụng:***  
+Làm lời văn hấp dẫn, sinh động, gợi hình gợi cảm.  
+Gây ấn tượng, làm tăng giá trị biểu cảm cho lời thơ.  
+Nhấn mạnh, làm nổi bật lời khuyên, lời nhắn nhủ chân thành của tác giả: *chúng ta* phải biết sẵn sàng hành động, cống hiến, hi sinh*để đưa đất nước phát triển bền vững.*  
**Câu 6.** Những bài học được rút ra qua đoạn trích là gì?  
- *Đất Nước* là máu xương của mình, là những giá trị vật chất và tinh thần mà mỗi người được thừa hưởng, kết tinh, hóa thân trong mỗi người.  
- Đất nước mang lại cuộc sống, sự nghiệp, tương lai của mỗi người.  
- Mỗi người cần san sẻ, hóa thân, sẵn sàng hành động, cống hiến, xây dựng và bảo vệ đất nước muôn đời.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: NAM QUỐC SƠN HÀ**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI QUA VĂN BẢN: NAM QUỐC SƠN HÀ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu 1:** Củng cố tri thức ngữ văn về nội dung nghị luận qua bài thơ (mục đích: khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc,; thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt)…  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **Lệnh:** Đọc bài thơ Nam quốc sơn hà. * GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm   **Câu 1:** Tác giả của **“Nam quốc sơn hà”** là ai?  A. Tương truyền là Lý Thường Kiệt.  B. Nguyễn Du.  C. Tố Hữu.  D. Nguyễn Bỉnh Khiêm.  **Câu 2:** Bài thơ **“Nam quốc sơn hà”** gắn với sự kiện lịch sử nào?  A. Theo sách **“Lĩnh Nam chích quái”,** bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến cho quân Tống hoảng sợ, giúp vua Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981.  B. Theo sách “Đại Việt sử kí toàn thư”, Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như lời trong bài thơ.  C. Khi giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai, lúc này quân giặc rất mạnh nên muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân.  D. Đáp án A,B đúng.  **Câu 3:** **Nam quốc sơn hà** được mệnh danh là?  A. Áng thiên cổ hùng văn.  B. Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.  C. Bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta.  D. Bài thơ có một không hai.  **Câu 4:** Thể thơ tác giả dùng để viết **Nam quốc sơn hà** là gì?  A. Song thất lục bát.  B. Thất ngôn tứ tuyệt.  C. Thất ngôn bát cú.  D. Ngũ ngôn tứ tuyệt.  **Câu 5:** Nội dung tuyên ngôn độc lập trong bài thơ là gì?  A. Nước Nam thuộc chủ quyền của người Nam, có vị vua riêng.  B. Nước Nam là nước có lãnh thổ riêng.  C. Có truyền thống đánh giặc ngoại xâm.  D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.  **Câu 6:** Tình cảm và thái độ của người viết thể hiện trong bài thơ?  A. Tự hào về chủ quyền của dân tộc  B. Khẳng định quyết tâm chống xâm lăng  C. Tin tưởng tương lai tươi sáng của đất nước  D. Đáp án A,B đúng.   * HS tiếp nhận nhiệm vụ   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **NAM QUỐC SƠN HÀ**   * Tác giả của “Nam quốc sơn hà”   Tương truyền là Lý Thường Kiệt.   * -Bài thơ “Nam quốc sơn hà” gắn với sự kiện lịch sử: Theo sách “Đại Việt sử kí toàn thư”, Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như lời trong bài thơ. * Nam quốc sơn hà được mệnh danh là:   Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.   * Thể thơ tác giả dùng để viết Nam quốc sơn hà là: Thất ngôn tứ tuyệt. * Nội dung tuyên ngôn độc lập trong bài thơ: Nước Nam thuộc chủ quyền của người Nam, có vị vua riêng. Nước Nam là nước có lãnh thổ riêng. Có truyền thống đánh giặc ngoại xâm.   -Tình cảm và thái độ của người viết thể hiện trong bài thơ:Tự hào về chủ quyền của dân tộc. Khẳng định quyết tâm chống xâm lăng. Tin tưởng tương lai tươi sáng của đất nước. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về nghị luận trung đại.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản cả trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** giúp HS khắc sâucác đơn vị kiến thức cơ bản về tác phẩm đã học trong chương trình.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV phát phiếu bài tập * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời câu hỏi ra phiếu học tập và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu, lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Mục tiêu:** giúp HS biết liên hệ bản thân với chủ đề: tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn và trách nhiệm bảo vệ đất nước, nghĩa vụ xây dựng Tổ quốc.  **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phiếu bài tập nhằm kích hoạt khả năng xử lí các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  **BÀI TẬP 1:**  **Đọc phần trích sau và trả lời câu hỏi:**  “Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự  Sách trời định phận rõ non sông  Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?  Bay hãy chờ coi, chuốc bại vong. ”  *(Trong Tổng tập văn học Việt Nam, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980)*  Câu 1. Đọc phần trích trên, em liên tưởng đến bài thơ nào? Hãy chép chính xác lại phần phiên âm và dịch thơ của bài thơ ấy?  Câu 2. Nguyên tác, bài thơ Nam quốc sơn hà được viết theo thể thơ nào? Nêu hiểu biết của em về thể thơ đó?Nhận xét về giọng điệu thơ được sử dụng trong bài ?  Câu 3: Có bạn chép nhầm “Nam đế cư” thành “Nam nhân cư”.  a. Em hãy giải nghĩa 2 cụm từ trên?  b. Theo em, sử dụng từ nào thì hay hơn? Tại sao?  Câu 4. Bài thơ được coi như là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta viết bằng thơ. Nội dung tuyên ngôn độc lập trong bài thơ là gì?  Câu 5. Là học sinh em có suy nghĩ gì về việc giữ gìn và bảo vệ chủ quyền đất nước trong giai đoạn hiện nay?  **BÀI TẬP 2**  *Ngày nay “Biển đảo Việt Nam là phần lãnh thổ đất nước Việt Nam, qua nghìn đời nó luôn gắn chặt với đời sống của cư dân nước Việt cả về vật chất và tinh thần. Bởi vậy, biển đảo trong tâm thức người Việt là đất nước, là cuộc sống; và thực tế hàng ngàn năm lịch sử người Việt đã ra sức khai phá dựng xây sẵn sàng đổ cả máu xương cho chủ quyền biển đảo. Tuy nhiên, tình hình biển đảo Việt Nam hiện nay đang có những diễn biến phức tạp đe dọa trực tiếp đến chủ quyền lãnh thổ của dân tộc.” Trước tình hình căng thẳng ở biển Đông, theo em "Thanh niên cần làm gì để bảo vệ Tổ quốc?".* Trình bày cảm nghĩ của em (khoảng 20 - 25 dòng) về vấn đề trên. | **BÀI TẬP 1:**  Câu 1: **Gợi ý**  Đọc đoạn thơ trên, em liên tưởng đến bài thơ: Nam quốc sơn hà  Phiên âm:  “Nam quốc sơn hà, Nam đế cư  Tiệt nhiên định phận tại thiên thư  Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.  Câu 2. **Gợi ý**  \* Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt đường luật  \* Đặc điểm thể thơ:  + Gồm 4 câu, mỗi câu có 7 chữ.  + Cách hiệp vần ở các tiếng cuối câu 1,2,4 hoặc 2,4  + Xét các tiếng 2-4-6: Đối thanh giữa chữ thứ 4 với chữ thứ 2 và 6, tạo ra đòn cân đăng đối. + Kết cấu: Khai – thừa – chuyển – hợp.  \* Giọng thơ dõng dạc, hùng hồn, đanh thép.  Câu 3: **Gợi ý**  a. Giải nghĩa:  Nam đế cư: Vua Nam ở  Nam nhân cư: Người Nam ở  b. Sử dụng “Nam đế cư” thì hay hơn vì “Nam đế cư” là để khẳng định sự ngang hàng bình đẳng giữa hai nước và hai vị vua Việt Nam - Trung Quốc. Quan niệm của kẻ thống trị phương Bắc chỉ có vua của họ mới là thiên tử, mới được phép xưng đế, còn các vị vua ở xứ sở khác chỉ được phép xưng vương.  Câu 4. **Gợi ý**  \* Nội dung tuyên ngôn độc lập trong bài “Nam quốc sơn hà”:  - Khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước  + Nước Nam là của người Nam  - Sự phân định địa phận, lãnh thổ nước Nam trong “thiên thư”  +Ý chí kiên quyết bảo vệ tổ quốc, bảo vệ độc lập dân tộc.  - Thái độ kiên quyết, rõ ràng: coi kẻ thù xâm lược là “nghịch lỗ”.  +Chỉ rõ: bọn giặc sẽ thất bại thảm hại trước sức mạnh của dân tộc quyết tâm bảo vệ chủ quyền của đất nước  - Trong xã hội phong kiến - vua là đại diện cho cả dân tộc, tư tưởng trung quân đồng nhất vua với nước, nước là của vua.  Câu 5. Là học sinh em có suy nghĩ gì về việc giữ gìn và bảo vệ chủ quyền đất nước trong giai đoạn hiện nay?  **Gợi ý**  - Phát huy truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta ngày xưa ngày nay Đảng và nhà nước ta quyết tâm bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của tổ quốc....  - Các chiến sĩ ngoài hải đảo ngày đêm bám biển cùng đồng bào cả nước giữ vững biển đảo Trường Sa, Hoàng Sa.....  **BÀI TẬP 2**  **Gợi ý**  **Học sinh có thể trình bày theo những ý khác nhau, những vân phải đảm bảo theo hướng tích cực. Dưới đây là một số gợi ý:**  *- Để bảo vệ chủ quyền biên đảo, trước hêt thanh niên và học sinh nói riêng phải xác định phải giữ biển đảo bằng tri thức về chủ quyền biển đảo.*  *- Thanh niên cần hưởng hứng và tích tực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi xâm phạm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam.*  *- Thanh niên là hậu phương chỗ dựa tình cảm vững chắc đối với các lính biển đảo, bằng những việc làm thiết thực như gửi thư đến các lính Hải đảo để chia sẻ động viên và tiếp sức cho các anh thêm nghị lực để trông giữ biển đảo.*  *- Điều quan trọng nữa là không ngừng tu dưỡng phẩm chất người Việt Nam mới, tích cực tham gia xây dựng đất nước giàu mạnh, có định hướng lý tưởng yêu nước và đoàn kết thì chúng ta sẽ kết nối khối sức mạnh lớn đủ sức bảo vệ chủ quyền biển đảo.*  *- Bên cạnh đó sẵn sàng chuẩn bị tinh thần tham gia trực tiếp vào công cuộc giữ gìn biển đảo quê hương bằng tất cả những gì mình có thể.*  *- Trách nhiệm của tuổi trẻ nói riêng là ra sức gìn giữ toàn vẹn phần lãnh thổ này như lời Bác Hồ năm xưa đã dặn: "các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước".* |

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc kĩ 2 văn bản:**

*“Sông núi nước Nam, vua Nam ở*

*Rành rành định phận tại sách trời*

*Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm*

*Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”.*

 (Sông núi nước Nam, SGK, Ngữ văn 7)

*(2)“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân.*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.”*

*Như nước Đại Việt ta từ trước,*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*

*Núi, sông bờ cõi đã chia,*

*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*

*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau.*

*Song hào kiệt đời nào cũng có.”*

(Đại cáo Bình Ngô – Nguyễn Trãi )

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Nêu nội dung chính của văn bản (1) và (2)?

**Câu 2.**Giải thích ý nghĩa các từ: Nhân nghĩa, yên dân, trừ bạo trong văn bản (2)?

**Câu 3.**Xác định điểm giống nhau và khác nhau trong nội dung khẳng định lời Tuyên ngôn độc lập của  2 văn bản trên ?

**Câu 4.**Từ 2 văn bản, em hãy viết một văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý thức bảo vệ Tổ quốc của tuổi trẻ trong giai đoạn hiện nay.

**Trả lời**

**Câu 1.**Ý chính của các văn bản trên:

      – Văn bản (1): Bài thơ khẳng định chủ quyền lãnh thổ của nước ta và ý chí kiên quyết bảo vệ Tổ quốc và nền độc lập dân tộc;

      – Văn bản (2) nêu luận đề chính nghĩa: Nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước thương dân, khẳng định nền độc lập dân tộc, quyền tự chủ và truyền thống lâu đời với những yếu tố cơ bản về văn hóa, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán và sự ý thức về sức mạnh dân tộc.

**Câu 2.**Giải thích ý nghĩa các từ trong văn bản (2) :

      – Nhân nghĩa: Là cách cư xử, là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trong cộng đồng.

      - Yên dân: Là làm cho nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, yên ổn làm ăn để đất nước ổn định và phát triển.

      - Trừ bạo: tiêu diệt những kẻ bạo tàn đã gây ra những đau khổ cho nhân dân.

**Câu 3.**Điểm giống nhau và khác nhau trong nội dung khẳng định lời Tuyên ngôn độc lập của  2 văn bản trên ?

**a/ Giống nhau:** cả 2 văn bản đều đưa ra các tiêu chí làm cơ sở khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc: có tên nước, có vua, có biên giới;

**b/ Khác nhau:** ngoài 3 tiêu chí trên, trong văn bản (2), Nguyễn Trãi đã bổ sung các tiêu chí so với bài Sông núi nước Nam như: có nền văn hiến, có phong tục, có anh hùng.  
   
 **Câu 4.**Viết đoạn văn ngắn( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

      Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

      - Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hànhvăn trong sáng, cảm xúc chân thành;

      - Nội dung: Từ lời khẳng định độc lập chủ quyền dân tộc ở 2 văn bản, thí sinh bày tỏ suy nghĩ của mình: Bảo vệ tổ quốc là bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Tuổi trẻ phải luôn nêu cao ý thức cảnh giác với kẻ thù dù bất cứ lúc nào. Tuổi trẻ cần hưởng hứng và tích tực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, khẳng định chủ quyền đất Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh tham gia ngăn chặn các hành vi xâm phạm phạm chủ quyền đất nước. Điều quan trọng nữa là không ngừng tu dưỡng phẩm chất người Việt Nam mới,  tích cực tham gia xây dựng đất nước giàu mạnh, có định hướng lý tưởng yêu nước và đoàn kết thì chúng ta sẽ kết nối khối sức mạnh lớn đủ sức bảo vệ chủ quyền Tổ quốc.  Bên cạnh đó sẵn sàng chuẩn bị tinh thần tham gia trực tiếp vào công cuộc giữ gìn biển đảo quê hương bằng tất cả những gì mình có thể.

## **Đề số 2**

**Đọc kĩ văn bản:**

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,*

*Quân điếu phạt(\*) trước lo trừ bạo.*

*Như nước Đại Việt ta từ trước,*

*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.*

*Núi sông bờ cõi đã chia,*

*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*

*Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập,*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.*

*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*

*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Trích Đại cáo bình Ngô – Nguyễn Trãi, bản dịch của Bùi Kỉ, Ngữ văn 10, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 17)

Chú thích: (\*) Điếu phạt: (điếu: thương, phạt: trừng trị) rút từ ý “Điếu dân phạt tội” nghĩa là thương dân, đánh kẻ có tội.

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Văn bản đã xác định nền độc lập, chủ quyền của nước Đại Việt ở những yếu tố nào?

**Câu 2.**Việc sử dụng những từ ngữ: từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, bao đời nhằm khẳng định điều gì?

**Câu 3.**Từ việc đọc hiểu văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước ta hiện nay.

**Trả lời câu hỏi**

**Câu 1.**

      Văn bản đã xác định nền độc lập, chủ quyền của nước Đại Việt qua các yếu tố: nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ riêng, phong tục tập quán riêng, lịch sử với các triều đại riêng.

**Câu 2.**

      Việc sử dụng những từ ngữ: từ trước, vốn xưng, đã lâu, đã chia, bao đời đã khẳng định được tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời về sự tồn tại độc lập, có chủ quyền của nước Đại Việt.

**Câu 3.**

      Từ việc đọc hiểu văn bản, viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của bản thân về việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước ta hiện nay. Sau đây là một số gợi ý:

      – Bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của đất nước là trách nhiệm, bổn phận của mỗi người dân Việt Nam.

      – Phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, kiên quyết ngăn chặn mọi sự xâm phạm chủ quyền đất nước.

      – Dân tộc ta có chính nghĩa, có sức mạnh của lòng yêu nước, có ý chí chiến đấu ngoan cường, có sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới chắc chắn sẽ bảo vệ được chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

**ĐỀ 3:**

**Đọc đoạn trích, trả lời câu hỏi:**

*Từng nghe:  
  
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,  
  
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;  
Như* [*nước Đại Việt ta*](https://dembuon.vn/tags/nuoc-dai-viet-ta/) *từ trước,  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,  
Nước non bờ cõi đã chia,  
Phong tục Bắc Nam cũng khác;  
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;  
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,  
Song hào kiệt đời nào cũng có.  
Vậy nên:  
Lưu Cung tham công nên thất bại;  
Triệu Tiết chí lớn phải tiêu vong;  
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô  
Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã  
Việc xưa xem xét.  
Chứng cứ còn ghi.*  
(Theo *Nước Đại Việt ta*, trích trong [Bình Ngô đại cáo](https://dembuon.vn/tags/binh-ngo-dai-cao/) – Nguyễn Trãi)​

**Câu hỏi:**  
Câu1. Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của bài thơ chứa đoạn trích?  
Câu 2. Qua đoạn trích, từ các thông tin lịch sử ở đoạn 2, em hiểu văn bản được viết trong hoàn cảnh lịch sử nào?  
Câu 3. Khái quát nội dung chính của đoạn trích.  
Câu 4. Qua hai câu "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả là gì?  
Câu 5. Người dân mà tác giả nói tới là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?  
Câu 6. Em hiểu nghĩa của từ "văn hiến" là gì?  
*Câu 7:* Để khẳng định chủ quyền độc lập [dân tộc](https://dembuon.vn/tags/dan-toc/), tác giả đã dựa vào những yếu tố nào? Thể hiện qua các chi tiết nào?  
Câu 8. Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi trong đoạn này thể hiện ở hình thức nghị luận như thế nào?  
 **Trả lời câu hỏi:**  
Câu 1. Chỉ ra thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản chứa đoạn trích?  
- Thể cáo, phương thức chính: Nghị luận.  
Câu 2. Qua đoạn trích, từ các thông tin lịch sử ở đoạn 2, em hiểu văn bản được viết trong hoàn cảnh lịch sử nào?  
- Sáng tác sau chiến thắng giặc Minh, năm 1428 (dựa vào các địa danh, sự liện ở đoạn 2)  
Câu 3. Khái quát nội dung chính của đoạn trích.  
Đoạn trích có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập, khẳng định chân lý về độc lập, chủ quyền của dân tộc Đại Việt ta.  
Câu 4.  
Qua hai câu "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo", có thể hiểu cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của tác giả là gì?  
**-** Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là yên dân, trugừ bạo (giữ cho dân có cuộc sống thái bình, hạnh phúc và diệt trừ mọi thế lực tàn bạo để yên dân (thể hiện qua cá từ "yên dân", "trừ bạo")) .   
**Câu 5:**  
Người dân mà tác giả nói tới là ai? Kẻ bạo ngược mà tác giả nói tới là kẻ nào?  
- Người dân mà tác giả nói ở đây là nhân dân Việt Nam. Còn kẻ bạo ngược là giặc Minh xâm lược lúc bấy giờ.  
**Câu 6.**  
Em hiểu nghĩa của từ "văn hiến" là gì?  
- Văn hiến: Chỉ truyền thống văn hóa lâu đời, tốt đẹp với nhiều nhân tài, hào kiệt  
**Câu 7:**  
Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố nào? Thể hiện qua các chi tiết nào?  
- Để khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, tác giả đã dựa vào những yếu tố:  
+ Nền văn hiến lâu đời: Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
+ Ranh giới lãnh thổ: Núi sông bờ cõi đã chia  
+ Phong tục tập quán: Phong tục Bắc Nam đã khác  
+Chế độ, triều đại riêng:  
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;  
+ Truyền thống lịch sử riêng:  
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,  
Song hào kiệt thời nào cũng có.  
**Câu 8.**  
Sức thuyết phục của văn chính luận Nguyễn Trãi trong đoạn này thể hiện ở hình thức nghị luận như thế nào?  
- Dẫn chứngtiêu biểu, hùng hồn  
- Lời lẽ đanh thép, minh chứng cho sức mạnh chính nghĩa.  
- Lối văn biền ngẫu hài hòa.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 3: BÀI 3**

**Tiết 36, 37**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH, QUY NẠP,**

**SONG SONG, PHỐI HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (biểu đồ, hình ảnh, số liệu… ) và chỉ ra được tác dụng của chúng.

- Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn.

- Viết được đoạn văn theo cấu trúc nhất định.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp*.* **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  ***Dựa vào phần tri thức Ngữ văn đã học, em hãy hoàn thành phiếu học tập số 1***  ***- GV chiếu ví dụ mẫu. HS Quan sát và phân tích các ví dụ mẫu:***  ? Xác định ý chính, chỉ ra câu chủ đề (nếu có), cách triển khai ý và kiểu đoạn văn của mỗi đoạn văn dưới đây:  Đoạn a*,*  *Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh". Lá cây giúp che chắn các thành phán bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiềm, con người sè khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.*  (Theo Thu Thuỷ).  Đoạn b*,*  *Chính quyền nhân dân ta vững chắc. Quân đội nhân dân hùng mạnh. Mặt trận dân tộc rộng rãi. Công nhân, nông dân và trí thức được rèn luyện, thử thách và tiến bộ không ngừng. Nói tóm lại, lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.*  (Hồ Chí Minh)  Đoạn c*,*  *Chúng lập ra nhà tù nhiểu hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.*  (Hổ Chí Minh).  Đoạn d*,*  *Các con vật trong nhà có xu hưởng mang lại một cảm giác bình yên cho trẻ. Một số trẻ nhỏ thường có cảm giác thoải mải khi ở cạnh những con vật nuôi hơn là khi ở bèn người khác. Cũng giống như người lớn, trẻ thường thích ở bên những con thú cưng khi chúng cảm thấy buổn, giận dữ hay khó chịu. Thật kì diệu, những con vật nuôi sẽ mang đến sự yên bình trong mọi tình huống và luôn dành cho con người một tình yêu vô diều kiện.*  (Theo Thuỳ Dương).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh nối cột.  - Học sinh thực hiện theo 4 nhóm  - HS quan sát ví dụ mẫu -> thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  => Tổ trọng tài đếm nhanh và công bố nhóm thắng cuộc là nhóm tìm được nhiều câu văn đúng yêu cầu nhất.  - HS trình bày cá nhân phát hiện trên ví dụ mẫu.  => GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ĐÁP ÁN BÀI TẬP NỐI CỘT  Nối:  1 - d  2 - a  3 - b  4 – c  Đoạn a/  - Ý chính: Tác dụng của cây cối.  - Cách triển khai ý: Từ khái quát đến cụ thể.  - Câu chủ đề: *Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh"*  -> Kiểu đoạn văn: Diễn dịch  Đoạn b/  - Ý chính: Bàn về lực lượng to lớn của chúng ta.  -Cách triển khai ý: Từ cụ thể đến khái quát.  - Câu chủ đề: *Nói tóm lại, lực lượng của chúng ta to lớn và ngày càng to lớn.*  -> Kiểu đoạn văn: Quy nạp  Đoạn c/  - Ý chính: Bàn về tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta.  - Cách triển khai ý: các câu có quan hệ bình đẳng và cùng làm rõ ý chính của đoạn văn.  - Câu chủ đề: *Không có*  -> Kiểu đoạn văn: Song song  Đoạn d/  - Ý chính: Vai trò của vật nuôi trong nhà.  - Cách triển khai ý: Từ khái quát đến cụ thể đến tổng hợp.  - Câu chủ đề:  +*Các con vật trong nhà có xu hưởng mang lại một cảm giác bình yên cho trẻ.*  *+Thật kì diệu, những con vật nuôi sẽ mang đến sự yên bình trong mọi tình huống và luôn dành cho con người một tình yêu vô diều kiện.*   * Kiểu đoạn văn: Hỗn hợp. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Dựa vào mục 3 phần Kiến thức Ngữ văn, em hãy nối cột A với cột B cho phù hợp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A**  **KIỂU ĐOẠN VĂN** |  | **B**  **ĐẶC ĐIỂM, CHỨC NĂNG** |
| 1. Đoạn văn song song |  | a. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ khái quát đến cụ thể; câu chủ đề đứng đầu đoạn văn, nêu ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. |
| 2. Đoạn văn diễn dịch |  | b. Là đoạn văn trình bày vấn đề theo trình tự các ý từ cụ thể đến khái quát; câu chủ đề là câu đứng cuối đoạn văn, ý khái quát của cả đoạn, các câu còn lại phát triển ý nêu ở câu chủ đề. |
| 3. Đoạn văn quy nạp |  | c. Là đoạn văn vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở đầu đoạn, vừa có câu chủ đề ở cuối đoạn, tức là kết hợp cách trình bày ở đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp. |
| 4. Đoạn văn phối hợp |  | d. Là đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có quan hệ bình đẳng với nhau và cùng có tác dụng làm rõ ý khái quát nêu ở phần trước hoặc sau nó. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **Mục tiêu:** Thực hành tạo lập đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập  *- Viết một đoạn văn diễn dịch (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người. Chỉ ra câu chủ đề trong đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS hoạt động cá nhân.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày kết quả của mình.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tác hại của lũ lụt. Chỉ ra câu chủ đề trong đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Hình thức: Viết đoạn văn quy nạp.  - Dung lượng: 5-7 dòng  - Nội dung: tác hại của lũ lụt*.*  - Xác định câu chủ đề (đặt ở cuối đoạn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm. | **Yêu cầu:**  - Hình thức: Viết đoạn văn diễn dịch.  - Dung lượng: 5-7 dòng  - Nội dung: *ảnh hưởng của hiện tượng nước biển dâng đối với đời sống con người.*  - Xác định câu chủ đề (đặt ở đầu đoạn). |

**HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI TẬP SAU TRÊN PHIẾU BÀI TẬP**

**Câu 1 : Tìm câu chủ đề trong các đoạn văn sau, từ đó, xác định kiểu đoạn văn (diễn dịch, quy nạp). Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.**

a. ***Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!***

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)

b. ***Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,… tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi “nhóm bạn lí tưởng” ở huyện, “màu cờ sắc áo” không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tưng bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.***

Dẫn theo Ngữ văn 6, tập hai

*(Kết nối tri thức với cuộc sống), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, tr. 67)*

**Trả lời:**

a. Câu chủ đề: Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

=> Đoạn văn quy nạp.

- Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.

b. Câu chủ đề: Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.

=> Đoạn văn diễn dịch.

- Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục.

**Câu 2: Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.**

(1) Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.

(2) Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.

(3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.

(4) Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển khơi.

**Trả lời:**

- Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4)

- Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)

- Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy.

**Câu 3**[**“Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn, một đoạn văn đặt câu chủ đề ở đầu đoạn (diễn dịch) và đoạn văn đặt câu chủ dề ở cuối đoạn (quy nạp).**](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/viet-hai-doan-van-mot-doan-van-dat-cau-chu-de-o-dau-doan-vm.jsp)

**Trả lời:**

- Đoạn văn diễn dịch:

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nước chính là tình yêu quê hương đất tổ nơi mình sinh ra và lớn lên. Lòng yêu nước có thể là yêu lũy tre xanh bao quanh làng, yêu dòng sông chảy trước nhà, yêu chân ruộng thơm mùi gốc rạ, yêu con cò đứng khoan thai trên đồng bên dáng mẹ còng lưng làm cỏ lúa… Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn.

- Đoạn văn quy nạp:

Lòng yêu nước là tình yêu đối với quê hương, đất nước; nỗ lực cố gắng không ngừng để dựng xây và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Lòng yêu nước là tình cảm cao cả, thiêng liêng của mỗi người dành cho quê hương đất nước. Đó là yêu sông, yêu núi, yêu làng, yêu xóm, yêu người dân sống trên mảnh đất hình chữ S. Tình cảm ấy đơn giản, gần gũi và nằm ngay trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của mỗi người. Mỗi chúng ta từ lúc sinh ra cho tới lúc lớn khôn và trưởng thành thì gia đình là nơi nuôi dưỡng, dạy dỗ. Đó là nơi chúng ta cần yêu thương đầu tiên. Mai này chúng ta lớn lên có trường học, xã hội, những người bạn xung quanh. Chúng ta cần phải san sẻ tình yêu thương của mình cho tất cả mọi người nếu có thể. Đôi khi lòng yêu nước chỉ là tình cảm đơn giản, bình dị như vậy nhưng lại có ý nghĩa rất lớn. Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất.

**Câu 4: Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp sau. Phân tích tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn.**

a. Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)

b. Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược dến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,… Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

(Hồ Chí Minh, Tinh thần yêu nước của nhân ta)

Trả lời:

a. Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song

- Đoạn văn có hai câu, mỗi câu đảm nhiệm một nội dung khác nhau, nhưng đều nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ.

b. Kiểu đoạn văn: đoạn văn phối hợp

- Đoạn văn có câu mở đầu nêu chủ đề của đoạn: Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Các câu tiếp theo nêu dẫn chứng cụ thể. Câu cuối đoạn khái quát lại điểm giống nhau đó: đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước.

**Câu 5: Đoạn văn sau được tổ chức theo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?**

Không gian yên tĩnh bỗng bừng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.

(Hà Ánh Minh, Ca Huế trên sông Hương)

**Trả lời:**

- Kiểu đoạn văn: đoạn văn song song

- Chủ đề: Cảnh ca Huế trong đêm trăng trên sông Hương.

- Dựa vào nội dung của các câu văn để nhận biết điều đó. Ba câu văn miêu tả ba khía cạnh khác nhau của đêm ca Huế. Mặc dù không có câu chủ đề nhưng các câu trong đoạn đều thể hiện chung chủ đề.

**Câu 6: Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối hợp (mỗi đoạn khoảng 7 – 9 câu) theo chủ đề tự chọn.**

**- Đoạn văn song song:**

Đi bất cứ nơi đâu trên đất nước này, bạn cũng gặp hình ảnh của Người trong cuộc sống cũng như trong tâm hồn của mỗi người dân. Bác đã hiến trọn cuộc đời cho dân tộc. Mấy chục năm gian nan thử thách ở nước ngoài, Bác đã tìm cho dân tộc con đường đi cách mạng đế rồi từ đó, nhân dân ta đòi lại được tự do. Hình ảnh Bác đẹp trong lòng của mỗi người dân Việt không phải chỉ vì Bác đã đem đến cho chúng ta cơm áo tự do mà ngay từ trong cách sống, Bác đã là tấm gương cho tất cả mọi người. Bác sống giản dị và giàu tình cảm. Tôi chưa thấy ở nơi đâu, một vị Chủ tịch nước lại giản dị như thế. Người ăn mặc bình dân, Người sống hòa mình. Người bận trăm công ngàn việc mà vẫn dành thì giờ chăm lo từ những cụ già đến các bé nhi đồng nhỏ tuổi. Người sống trọn mình cho dân tộc chẳng vướng bận chút riêng tư.

**- Đoạn văn phối hợp:**

Truyền thống uống nước nhờ nguồn là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Mỗi người trong chúng ta cần phải giữ gìn, phát huy mạnh mẽ tinh thần đó. Đây là truyền thống thể hiện sự kính trọng của thế hệ đi sau với thế hệ đi trước để tỏ lòng biết ơn của mình với những người có ơn với mình. Hằng năm, cứ mỗi dịp kỉ niệm ngày thương binh liệt lĩ, đảng và nhà nước lại tổ chức các hoạt động thăm viến mộ liệt sĩ, thăm hỏi gia đình liệt sĩ, tặng quà, tạo điều kiện cho gia đình phát triển. Hiện nay, mọi người trong xã hội đã chú ý hơn đến việc này, không chỉ các cơ quan chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động này mà những đơn vị, tổ chức cá nhân cũng tham gia rất tích cực. Mọi người chung tay nhau, quyên góp, sau đó tổ chức các hoạt động thăm hỏi từng gia đình một, trao quà tặng thưởng. Tuy những món quà đó chưa hẳn đã có nhiều giá trị về vật chất nhưng lại đầy ắp tinh thần của người trao. Đây là các việc làm rất ý nghĩa, cần được mọi người phát huy, giữ gìn để truyền thống uống nước nhớ nguồn mãi là truyền thống quý báu của dân tộc ta, mãi được những dân tộc khác tôn trọng và học hỏi.

*Ngày soạn*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 3: BÀI 3**

**Tiết 38, 39,40**

**ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**( CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG ĐẤT NƯỚC)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

**-** Nắm vững quy trình viết bài vănnghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

- Vận dụng thực hành làm các đề cụ thể của dạng bài.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận  *+ Một bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước) cần đáp ứng được những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn ý  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt:  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV mời 2 HS đọc ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).  - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin về ***Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý*** trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.  - GV yêu cầu HS đổi vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay. | **\* Yêu cầu:**  - Nêu được vấn đề nghị luận và giải thích để người đọc hiểu vì sao vấn đề này đáng được bàn đến.  - Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những lí lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  - Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.  **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài  Với yêu cầu nghị luận về vấn đề con người trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước, em cần huy động vốn hiểu biết qua môn học Ngữ văn và các môn học khác, qua sách báo và các phương tiện truyền thông, nêu ra một số vấn đề để suy nghĩ, lựa chọn. Có thể tham khảo các đề tài sau:  - Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện.  - Học sinh với việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội ở quê em.  - Trách nhiệm của con người đối với nơi mình sinh sống.  **b. Tìm ý**  **\* Đề bài: Trách nhiệm của học sinh đối với quê hương, đất nước.**  Ghi nhanh ra giấy những ý nghĩ bất chợt nảy sinh trong quá trình tìm hiểu các khía cạnh của đề tài , kết hợp với việc tự trả lời các câu hỏi xoay quanh đề tài. Chẳng hạn:  *- Vấn đề có tầm quan trọng như thế nào?*  Phải nêu được vấn đề và xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với đời sống xã hội, cộng đồng, đất nước. Vai trò của việc nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước, ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng.  *- Vấn đề có những khía cạnh cơ bản nào? Cần dùng lí lẽ và bằng chứng nào để làm rõ từng khía cạnh?*  Mỗi khía cạnh của vấn đề được nêu ra tương ứng với một luận điểm (ý) cần triển khai. Tìm hiểu bài viết tham khảo để nắm được cách xác định:  + Ý 1: Giải thích thế nào là trách nhiệm?  + Ý 2: Nêu lên trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay trước đất nước dân tộc.  + Ý 3: Nêu ý nghĩa của trách nhiệm  + Ý 4: Liên hệ bản thân  - Cần có hành động như thế nào sau khi nhận thức về vấn đề?  Văn bản nghị luận hướng người đọc đi từ nhận thức đến hành động.  Trả lời các câu hỏi trên, em sẽ tìm được các ý. Phải suy nghĩ, tìm tòi để không bỏ sót những ý quan trọng của bài. Em cần ghi lại ngay, mặc dù có thể còn lộn xộn. Việc sắp xếp các ý sao cho mạch lạc sẽ được thực hiện ở bước tiếp theo.  **c. Lập dàn ý**  Kết quả của việc tìm ý là cơ sở để lập dàn ý. Lập dàn ý là tổ chức, sắp xếp các ý đã tìm được ở trên thành một hệ thống chặt chẽ, hợp lí, gồm các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.  - *Mở bài*: Nêu vấn đề đời sống và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó.  - *Thân bài*: Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.  + Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lí lẽ, bằng chứng)  + Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)  + Liên hệ, mở rộng vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)  - *Kết bài*: Những nhận thức và hành động người đọc cần hướng tới.  **2. Viết bài**  Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:  - Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.  - Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,…), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.  - Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa  - Nếu thấy vấn đề đời sống liên quan đến con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước nêu chưa rõ ràng, cụ thể thì cần bổ sung  - Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng  chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa. |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước)

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với xã hội, cộng đồng, đất nước).  - GV đặt câu hỏi phát vấn: ***Theo em để xây dựng một xã hội, cộng đồng văn minh, phát triển, chúng ta cần làm gì?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và bị trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **- Bài viết mẫu:**  Trong cuộc sống hằng ngày, ai cũng biết rằng tuổi trẻ là một thành phần, yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến tương lai đất nước, vì thế mà Bác đã căn dặn: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước đến đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần ở công học tập của các em”. Chúng ta cùng tìm hiểu vai trò, trách nhiệm của thế hệ trẻ ngay nay với tương lai đất nước dân tộc.  Tuổi trẻ là những công dân ở lứa thành niên, thanh niên… là thế hệ măng đã sắp thành tre, là người đã đủ điều kiện, đủ ý thức để nhận biết vai trò của mình đối với bản thân, xã hội. Tuổi trẻ của mỗi thời đại là niềm tự hào dân tộc, là lớp người tiên phong trong công cuộc xây dựng, đổi mới, phát triển đất nước.  Tương lai đất nước là vận mệnh, là số phận của đất nước mà mỗi công dân sẽ góp phần xây dựng, phát triển, trong đó quan trọng nhất là thế hệ trẻ.  Thế kỉ 21, thế kỉ của sự phát triển, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá kinh tế, đất nước. Để có thể bắt kịp đà phát triển của những nước lớn mạnh thì đòi hỏi sự chung sức đồng lòng của tất cả mọi người mà lực lượng chủ yếu là tuổi trẻ. Bởi đó là lực lượng nòng cốt, là chủ nhân tương lai, là nhân vật chính góp phần tạo nên cái thế, cái dáng đứng cho non sông Tổ quốc.  Tuổi trẻ hôm nay là tôi, là bạn, là những anh chị đang có mặt trên giảng đường đại học, đang hoạt động bằng cả tâm huyết để cống hiến sức trẻ với những đam mê cùng lòng nhiệt tình bốc lửa. Tuổi trẻ tốt thì xã hội tốt, còn xã hội tốt sẽ tạo điều kiện cho tầng lớp trẻ phát triển toàn diện, sinh ra những người con có ích cho đất nước, đó là điều tất yếu, hiển nhiên mà ai cũng biết.  Mỗi người chúng ta cũng đi qua thời tuổi trẻ - tuổi của sức mạnh phi thường, của cái tuổi không chịu khuất phục trước khó khăn và sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn. Sức mạnh vô song của tuổi trẻ “sông kia phải chuyển, núi kia phải dời”. Chúng ta chỉ có một lần trong đời là tuổi trẻ vì vậy cần phải nắm bắt, cần đóng góp sức lực cho đất nước.  Việc xây dựng đất nước là trách nhiệm của mọi người, mọi công dân chứ không phải của riêng ai. Nhưng với số lượng đông đảo hàng chục triệu người thì lẽ nào tuổi trẻ lại không thể xây dựng đất nước. Chẳng lẽ chúng ta để cho những cụ già đi khuân vác, lao động nặng, những phụ nữ phải ngày đêm làm việc trong các nhà xưởng đầy khói bụi, những trẻ em phải phụ giúp gia đình ngay còn nhỏ mà “quên” đi việc học hành, lúc đó chúng ta sẽ “làm” gì? Chẳng lẽ ngồi không như một “người bị liệt”. Vì vậy chúng ta phải cố gắng xây dựng đất nước như lời dặn của Bác: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, thì Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.  Sinh ra ở đời ai cũng khao khát được sống hạnh phúc, sung sướng. Mỗi người luôn tìm cho mình một lẽ sống hay nói đúng hơn là lý tưởng sống. Là chủ nhân tương lai thì chúng ta phải xác định cho mình lý tưởng sống phù hợp, đúng đắn. Trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá như hiện nay thì tuổi trẻ chúng ta lại đứng trước một câu hỏi lớn: “Sống như thế nào là đúng đắn là có ích cho xã hội?”. Vì lý tưởng sống của chúng ta là động lực thúc đẩy đất nước phát triển.  Và thời nào cũng vậy, thế hệ trẻ luôn là lực lượng tiên phong, xông pha vào những nơi gian khổ mà không ngại khó. Điều đó đã được thể hiện rất rõ trong thời kì kháng chiến. Những người con đất nước như: Kim Đồng, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám… đã hiến dâng cả tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc. Đây là những thanh niên của hơn 40 năm trước còn lớp thanh niên ngày nay thì sao?  Vâng. Các bạn ạ! Chúng ta nên biết một điều: những thế hệ trước đã dâng hiến xương máu để ngày sau độc lập thì chúng ta phải biết “cùng nhau giữ nước” và nối tiếp, kế thừa truyền thống cao đẹp đó. Và một điều quan trọng là các bạn đừng nghĩ đó là nghĩa vụ để rồi miễn cưỡng thực hiện. Chúng ta phải hiểu rằng: được sinh ra là một hạnh phúc và sống tự do, no đủ là một món quà quý báu, vô giá mà quê hương xã hội đã ban tặng. Hạnh phúc không tự nhiên mà có mà đó xương máu, tâm huyết của biết bao người con của đất nước. Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử mà thanh niên nuôi dưỡng những ước vọng, suy nghĩ riêng. Chúng ta không được bác bỏ, phủ nhận quá khứ hay công sức của những anh hùng dân tộc. Đơn giản là vì mỗi thế hệ đều có sứ mệnh riêng, nhận thức riêng mà chúng ta không nên so bì, tính toán. Vì vậy: “Không có chuyện lớp trẻ ngày nay quay lưng với quá khứ” (như tổng bí thư Đỗ Mười nói).  Nhưng tuổi trẻ chúng ta có điều kiện gì để xây dựng đất nước? Vâng, đó chính là học tập. Nói đến tuổi trẻ hôm nay là nói đến việc học hành... Trong cuộc sống ta gặp không ít trường hợp xem việc học là việc khổ sai chỉ do cha mẹ, thầy cô thúc ép, chứ không ham học. Họ xem đi học như một hình thức giải khuây cho vui nên không cần học tập, coi học tập là một nỗi nhọc nhằn. Có người lại coi việc học là để ứng phó với đời, để không xấu hổ với mọi người, để có “bằng cấp” mà hãnh diện với đời, dù đó chỉ là “hàng giả” mà thực lực không làm được. Chúng chẳng những không đưa nước ta “sánh kịp với cường quốc năm châu” mà còn đưa nước ta về lạc hậu, lụi bại.  Cách duy nhất là phải học chân chính, học bằng khả năng của mình. Bước vào thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì ai nắm được tri thức thì mới có thể xây dựng đất nước, lèo lái chiếc thuyền số phận của non sông Tổ quốc. Và nhiệm vụ của chúng ta phải học, học nữa, học mãi. Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để chúng ta dễ dàng tiếp cận tri thức thì tương lai dân tộc mới xán lạn, lấp lánh hào quang.  Tóm lại, tuổi trẻ là người sẽ quyết định tương lai đất nước sau này. Tuổi trẻ nước ta đầy rẫy nhân tài sẽ góp phần cho dáng hình xứ sở. Ngay từ hôm nay, tôi, bạn và tất cả mọi người phải cố gắng học tập để sau này có thể giúp nước ta tiến nhanh trên con đường xây dựng và phát triển nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh. |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TIẾT: 41,42,43,44,45**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Mục tiêu:**  - HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.  - HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.  **Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vuh  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA NỖI HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**Tam đại con gà**

*Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.*

*Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*

*Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dủ dỉ là con dù dì”. Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.*

*Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.*

*Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:*

*– Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…*

*Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:*

*– Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dủ dỉ” là con “dù dì”?*

*Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng*

*nhanh trí thầy vội nói gỡ:*

*– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.*

*Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:*

*– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?*

*– Thế này nhé! Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!*

( SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Tam đại con gà”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Cái đángcười trong văn bản là gì?

A. Anh học trò đi làm thầy đồ

B. Dốt nhưng hay nói chữ và mê tín.

C. Chủ nhà là người hiểu biết.

D. Thầy nghĩ “Thổ công nhà nó cũng dốt nữa”

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm phê phán điều gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người cha đối với thầy đồ.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của thầy đồ xưa.

D. Phê phán thói dốt nát, sĩ diện hão và mê tín của ông thầy đồ xưa.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“thổ công”*?

A. Vị thần trông coi về sự sống.

B. Vị thần trông coi việc bếp núc trong gia đình.

C. Vị thần trông coi nhà cửa, đất cát gia đình.

D. Vị thần se duyên đôi lứa.

**Câu 6 (0.5 điểm): Em có nhận xét gì về những điều ông thầy đã làm trong truyện “Tam đại con gà”?**

A. Đây là những hành động thể hiện sự khôn lỏi.

B. Đây là những hành động phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ.

C. Đây là những hành động thể hiện sự liều lĩnh của thầy đồ.

D. Đây là những hành động trái với tự nhiên, không thể có trong công việc dạy học của một người thầy đích thực.

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết thầy đồ bảo học trò đọc khẽ câu *“Dủ dỉ là con dù dì”* nhằm mục đích gì?

A. Có ý che giấu, không để người khác học lỏm.

B. Thể hiện sự ngụy biện, chống chế cho sai lầm của mình.

C. Thể hiện sự dốt nát, mê tín của thầy đồ.

D. Muốn che giấu cái dốt của mình.

**Câu 8 (0.5 điểm):** Thầy đồ trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Là một thầy đồ dốt nhưng hay nói chữ, mê tín dị đoan.

B. Là một người học rộng, tài cao.

C. Là người yêu quý trẻ con.

D. Là người rất ham học hỏi.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I. Đọc hiểu** | 1 | A |
| 2 | B |
| 3 | C |
| 4 | D |
| 5 | C |
| 6 | D |
| 7 | D |
| 8 | A |
| 9 | HS hiểu được tiếng cười trào phúng từ câu chuyện, qua đó rút ra bài học ý nghĩa nhất cho bản thân, đó có thể là phải luôn học hỏi, không nên che giấu cái dốt của mình, không nên sĩ diện hão,… |
| 10 | Tác giả phê phán thói dốt nát, sĩ diện hão và mê tín của ông thầy đồ trong truyện. |
| **II. Viết** |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề.*  *Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* |
|  |  | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |
|  |  | * Nêu vấn đề cần nghị luận: *Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.* * Người viết tán thành ý kiến đã nêu.   - Nêu ra thực trạng việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông của người dân.  - Nêu nguyên nhân của thực trạng trên.  - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng để chỉ ra hậu quả hoặc những điều tích cực của việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông…  - Đưa ra biện pháp.  Khẳng định lại sự tán thành ý kiến. |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt |
|  |  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực. |

**ĐỀ 2**

**I. Phần đọc hiểu**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

*(* Theo *Truyện ngắn Tạ Duy Anh )*

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông B. Chớm hè

C. Cuối xuân D. Đầu thu

**Câu 2.** Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh. B. Ông lão ăn mày.

C. Người kể chuyện giấu mặt. D. Cậu bé ăn mày.

**Câu 3**. Trong câu văn: *Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy*., từ “*có thể*” là thành phần gì?

A. Thành phần cảm thán B. Thành phần tình thái

C. Thành phần gọi đáp D. Thành phần phụ chú.

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Cốt truyện của truyện ngắn “Củ khoai nướng” thuộc loại nào sau đây?

A. Cốt truyện đơn tuyến B. Cốt truyện đa tuyến

C. Không có cốt truyện D. Không thể xác định.

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Thương hại

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Từ câu chuyện của cậu bé Mạnh, em hãy viết đoạn văn (3– 5 câu) trình bày suy nghĩ về lòng yêu thương?

**II. Phần viết**

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu cần đạt** | **Điểm** |
| PHẦN ĐỌC HIỂU | | |
| 1 | B. Chớm hè | 0,5 |
| 2 | C. Người kể chuyện giấu mặt. | 0,5 |
| 3 | B. Thành phần tình thái | 0,5 |
| 4 | D. Lòng yêu thương con người | 0,5 |
| 5 | A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày. | 0,5 |
| 6 | C. Nói qúa | 0,5 |
| 7 | A. Cốt truyện đơn tuyến. | 0,5 |
| 8 | A. Tôn trọng | 0,5 |
| 9 | - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng với những người bất hạnh, kém may mắn.  - Nếu là Mạnh thì em cũng sẽ làm như bạn ấy bởi chỉ có tình yêu thương mới làm rung động trái tim con người, từ trái tim mới chạm đến trái tim vì vậy hành động của Mạnh đã khiến cậu như lớn hơn, chững chạc hơn, tấm lòng bao dung, yêu thương con người của cậu vì thế mà rộng ra mãi.  ***\* HS nêu được cách ứng xử của nhân vật Mạnh cách ứng xử của bản thân phù hợp đạo đức, pháp luật, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được một ý, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.*** | 1,0 |
| 10 | Trình bày được một số ý sau:  - Tình yêu thương là sự đồng cảm, thấu hiểu, chia sẻ, gắn bó, quan tâm, giúp đỡ, yêu mến, trân trọng hòa hợp…giữa con người với nhau.  - Yêu thương được xem là một phẩm chất đẹp, cao quý và là [giá trị sống cốt lõi của con người](https://giatricuocsong.org/gia-tri-cua-moi-con-nguoi-trong-cuoc-song/) giúp con người gần nhau hơn.  - Người đón nhận tình yêu thương có thêm niềm tin vào cuộc sống, có động lực vượt qua khó khăn của cuộc sống.  - Tình yêu thương trao đi có thể là vật chất hoặc tinh thần.  - Thay đổi cái nhìn của mọi người trong xã hội:  - Cần phê phán những người vô cảm, không có thói quen chia sẻ và giúp đỡ người khác.  ***\* HS nêu được ít nhất 3 ý thể hiện suy nghĩ về lòng yêu thương, đảm bảo theo gợi ý: 1,0 điểm; Chỉ nêu được 1 – 2 ý, một phần đáp án: 0,5 điểm; không nêu hoặc nêu sai hoàn toàn: 0 điểm.*** | 1,0 |

**ĐỀ 3**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:

*Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.*

(Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)

**Câu 1:** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Miêu tả. B. Biểu cảm.

C. Nghị luận. D. Tự sự.

**Câu 2:** Theo tác giả,biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động như thế nào?

A.Tới mọi mặt của đời sống con người.

B. Tới mọi mặt của thú rừng.

C. Tới mọi mặt của con người và cây cối.

D. Tới mọi mặt, mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.

**Câu 3:**Theo tác giả, những sinh vật có sức chống trả càng yếu sẽ như thế nào trước sự biến đổikhí hậu, ô nhiễm môi trường ?

A. Dễ hoà nhập.

B.Sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề.

C. Không chịu ảnh hưởng từ môi trường sống.

D. Thích nghi cao với ô nhiễm môi trường.

**Câu 4:** Theo tác giả, tương lai con người sẽ như thế nào nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi?

A. Loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo.

B. Loài người không chịu sự ảnh hưởng bởi ô nhiễm môi trường.

C. Loài người thích nghi với ô nhiễm môi trường.

D. Loài người sẽ có cuộc sống tốt đẹp

**Câu 5**: Theo tác giả, thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn chúng ta phụ thuộc vào điều gì?

A. Những sinh vật có sức chống trả yếu.

B. Phụ thuộc vào chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay.

C. Phụ thuộc vào việc trồng cây, gây rừng.

D. Phụ thuộc vào việc thu gom rác.

**Câu 6:** Nội dung chính của ngữ liệu trên:

A. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động tới mọi mặt cuộc sống của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này và con người phải hành động.

B. Miêu tả cuộc sống của con người trên trái đất.

C. Miêu tả cuộc sống của các loài thú trên trái đất.

D. Miêu tả cuộc sống của cỏ cây trên trái đất

**Câu 7:** câu văn: “Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A.So sánh. B. Nhân hoá.

C. Ẩn dụ. D. Liệt kê.

**Câu 8:** Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn khi nào?

A. Các nước phát triển dồn rác thải sang các nước nghèo, nước chậm phát triển.

B. Mọi người, mọi quốc gia biết bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

C. Các nước giàu có và phát triển bảo vệ môi trường sống của họ.

D. Các nước nghèo, nước chậm phát triển tự bảo vệ môi trường sống của họ.

**Câu 9:** Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

**Câu 10:** Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy trình bày những việc em đã và sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường sống, để trái đất trở nên tốt đẹp hơn ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  |  |  |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý.Gợi ý: Đồng tình  Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại. | 1,0 |
| **10** | \* Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay.  \* Nêu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay:  + Trái đất ngày càng nóng lên  + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn  + Nồng độ chì đã và đang tăng lên  + Ô nhiễm từ các loại xe cộ...  **\* Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn:**  + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường  + Có lối sống hoà hợp với môi trường.  + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước  + Ít sử dụng hóa chất  + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng,...  + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm...  + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.  \*Bài học nhận thức và hành động  + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường.  + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội và toàn thế giới. Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. | 1,0 |

**ĐỀ 4**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy.

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn.

Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 trang 12)

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

A.Tự sự B.Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm

**Câu 2.** Câu chuyện trên có mấy nhân vật ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 3**: Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A, Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

**Câu 4.** Cụm từ *“chết dần chết mòn”* trong câu là:

1. Thành ngữ B. Tục ngữ C. Ca dao D. Vè

**Câu 5.** Người kể chuyện có thái độ như thế nào với hạt lúa thứ nhất?

1. Đồng tình B. Băn khoăn C. Ngợi ca D. Phê phán

**Câu 6.** Trong câu chuyện trên, khi được ông chủ mang gieo xuống đất hạt lúa thứ hai có tâm trạng gì?

1. Buồn bã B. Lo lắng C. Sung sướng D. Đắn đo

**Câu7.**Xét về mục đích nói, câu văn*“Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó.”* thuộc kiểu câu gì?

1. Câu nghi vấn B. Câu cầu khiến C.Câu cảm thán D.Câu trần thuật

**Câu 8.** Ý nào dưới đây diễn đạt đúng nhất nghĩa của cụm từ “chết dần chết mòn” trong văn bản trên ?

A. Điêu đứng vì hoàn cảnh khó khăn

B. Héo hắt, tàn lụi dần không còn sức sống

C. Không còn sức sống vì lâm vào hoàn cảnh khó khăn

D. Buồn chán, bế tắc không có lối thoái

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau: Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi"..

**Câu 10.** Bài học cuộc sống tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên là gì? Vì sao? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 4-5 câu)

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

I**. ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| I | 1 | A |
| 2 | C |
| 3 | C |
| 4 | A |
| 5 | D |
| 6 | C |
| 7 | D |
| 8 | B |
| 9 | - Chỉ ra được biện pháp tu từ nhân hóa khi xây dựng nhân vật hai hạt lúa.  - Nêu được ý nghĩa, tác dụng của biện pháp tu từ  *(Biện pháp tu tư nhân hóa làm cho hai hạt lúa trở nên sống động, gần gũi có suy nghĩ, hành động , tính cách như con người)* |
| 10 | Đảm bảo hình thức và dung lượng đoạn văn  - Nêu được bài học rút ra từ câu chuyện.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy một cách hợp lí, thuyết phục.  Gợi ý:  + Sống phải có trách nhiệm, không nên ích kỉ, an phận, ngại khó khăn, gian khổ , không thể giữ mình trong một vỏ bọc khép kín.  + Trong cuộc sống cần phải can đảm biết chấp nhận những khó khăn, thử thách để trưởng thành. |